



CÔNG BÁO

Do UBND tỉnh Phú Thọ xuất bản

Số 13

Ngày 15 tháng 7 năm 2007

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
---------------	--------------------	-------

PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

05-7-2007	Chỉ thị số 08/2007/CT-UBND về việc tổ chức triển khai thi hành Luật Cư trú.	4
-----------	---	---

HĐND HUYỆN ĐOAN HÙNG

29-6-2007	Nghị quyết số 32/2007/NQ-HĐND tổng quyết toán thu chi ngân sách địa phương năm 2006.	7
-----------	--	---

29-6-2007	Nghị quyết số 33/2007/NQ-HĐND về Dự án phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao huyện Đoan Hùng giai đoạn 2007 – 2010.	9
-----------	---	---

29-6-2007	Nghị quyết số 34/2007/NQ-HĐND về Đề án thực hiện chiến lược dân số đến năm 2010.	14
-----------	--	----

UBND HUYỆN YÊN LẬP

13-7-2007	Chỉ thị số 11/2007/CT-UBND về việc tổ chức triển khai thi hành Luật Cư trú.	17
-----------	---	----

PHẦN II. VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

05-7-2007	Quyết định số 1656/QĐ-UBND về việc phê duyệt bản điều lệ, công nhận Ban chấp hành, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội cựu giáo chức huyện Hạ Hoà. Về việc phê duyệt Đề án "Phát triển rừng sản xuất tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2007 - 2015 và định hướng đến năm 2020".	20
-----------	---	----

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

03-7-2007	Quyết định số 1620/QĐ-UBND về việc xét tuyển viên chức Trung tâm Tư vấn dịch vụ Dân số gia đình trẻ em thuộc Ủy ban Dân số Gia đình và Trẻ em.	38
03-7-2007	Quyết định số 1621/QĐ-UBND về việc thi tuyển viên chức Trường Đại học Hùng Vương.	40
06-7-2007	Quyết định số 1661/QĐ-UBND v/v phân bổ chi tiết kinh phí thực hiện dự án: “Đánh giá phân hạng đất các huyện, thành/, thị trên địa bàn tỉnh Phú Thọ”, tại khoản 7 Điều 1, Quyết định số 3302/QĐ-/T ngày 28/10/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh.	44
09-7-2007	Quyết định số 1666/QĐ-UBND về việc phê chuẩn kết quả bầu cử bổ sung các chức danh thuộc UBND huyện Thanh Sơn nhiệm kỳ 2004 – 2009.	46
09-7-2007	Quyết định số 1667/QĐ-UBND về việc phê chuẩn kết quả bầu cử chức danh thuộc UBND huyện Tân Sơn nhiệm kỳ 2004 – 2009.	47
09-7-2007	Quyết định số 1668/QĐ-UBND về việc điều động, bổ nhiệm có thời hạn chức vụ Phó trưởng Ban Dân tộc – Tôn giáo tỉnh Phú Thọ.	49

10-7-2007	Quyết định số 1679/QĐ-UBND về việc bổ nhiệm có thời hạn chức vụ Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh Phú Thọ.	50
10-7-2007	Quyết định số 1685/QĐ-UBND về việc thực hiện cơ chế một cửa liên thông đối với lĩnh vực cấp Giấy phép xây dựng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND huyện, thành, thị tại các phường, thị trấn.	51
11-7-2007	Quyết định số 1689/QĐ-UBND về việc điều động và bổ nhiệm có thời hạn chức vụ Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ.	52
11-7-2007	Quyết định số 1690/QĐ-UBND về việc điều động và bổ nhiệm có thời hạn chức vụ Phó trưởng Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh Phú Thọ.	53
11-7-2007	Quyết định số 1691/QĐ-UBND về việc điều động và bổ nhiệm có thời hạn chức vụ Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Phú Thọ, kiêm Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh Phú Thọ.	55
11-7-2007	Quyết định số 1692/QĐ-UBND về việc bổ nhiệm có thời hạn chức vụ Phó Giám đốc Sở Lao động, Thương binh & Xã hội tỉnh Phú Thọ.	56

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 08/2007/CT-UBND

Việt Trì, ngày 05 tháng 7 năm 2007

CHỈ THỊ

Về việc tổ chức triển khai thi hành Luật Cư trú

Luật Cư trú đã được Quốc hội khoá XI thông qua tại kỳ họp thứ 10, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007, là một đạo luật quy định trình tự, thủ tục đăng ký, quản lý cư trú; quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và công dân về đăng ký, quản lý cư trú.

Nhằm quán triệt sâu sắc và nâng cao trách nhiệm, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong các cấp, ngành và toàn thể xã hội thực hiện nghiêm túc Luật Cư trú trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Chỉ thị các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành, thị triển khai thực hiện tốt các nội dung sau:

1. Công an tỉnh:

- Tổ chức tập huấn chuyên sâu Luật Cư trú, Nghị định của Chính phủ, Thông tư hướng dẫn của Bộ Công an về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Cư trú. Bồi dưỡng nâng cao nhận thức pháp luật, ý thức phục vụ nhân dân, yêu cầu cải cách thủ tục hành chính, chống các biểu hiện quan liêu, gây phiền hà về quản lý cư trú cho cán bộ làm công tác đăng ký, quản lý cư trú. Trong đó, tập trung vào đội ngũ cán bộ lãnh đạo Công an các cấp, cán bộ chiến sỹ trực tiếp làm công tác đăng ký, quản lý cư trú thuộc Công an huyện, thành, thị, công an xã, phường, thị trấn và những người tham gia công tác đăng ký thường trú, lưu trú, tạm vắng tại các khu vực dân cư.

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức in ấn cấp phát các loại sổ sách theo biểu mẫu theo quy định của Luật Cư trú; xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật cư trú theo thẩm quyền; thông báo rộng rãi và niêm yết công khai về trình tự, thủ tục đăng ký cấp hộ khẩu, sổ lưu trú để nhân dân biết thực hiện.

- Rà soát, kiện toàn, bố trí đủ cán bộ năng lực, phẩm chất đạo đức tốt làm công tác đăng ký, quản lý cư trú. Chấn chỉnh tác phong làm việc, kiên quyết xử lý nghiêm những cán bộ làm công tác đăng ký, quản lý cư trú các cấp có thái độ, lời nói, cử chỉ thiếu nghiêm túc hoặc sách nhiễu gây phiền hà cho nhân dân. Đảm bảo công tác đăng ký cư trú với trình tự, thủ tục đơn giản, kịp thời, chính xác, công khai, minh bạch;

- Thực hiện việc đăng ký cấp sổ hộ khẩu thường trú, sổ đăng ký lưu trú nhanh chóng thuận lợi cho những người có đủ điều kiện theo quy định của Luật Cư trú.

- Phối hợp với Sở Tư pháp biên soạn tài liệu tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thi hành Luật cư trú cho cán bộ, công chức và nhân dân với nội dung rõ ràng, dễ hiểu, đảm bảo việc thực hiện thống nhất.

2. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh.

Phối hợp với Công an tỉnh hướng dẫn việc đăng ký, quản lý cư trú đối với người đang làm nghĩa vụ quân sự, sỹ quan, hạ sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân viên quốc phòng cư trú tại nơi đóng quân và nơi cư trú theo quy định của Luật cư trú.

3. Sở Tư Pháp:

Chủ trì, phối hợp với Công an kiểm tra, hướng dẫn các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành, thị rà soát các văn bản QPPL liên quan đến quy định về hộ khẩu hoặc các quy định khác với Luật Cư trú để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi hoặc bãi bỏ.

4. Sở Văn hoá - Thông tin:

Phối hợp với Công an tỉnh, Sở Tư pháp, Hội đồng phối hợp công tác phổ biến giáo dục pháp luật của tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan Báo, Đài phát thanh, truyền hình tỉnh tuyên truyền rộng rãi Luật Cư trú và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

5. Sở Tài chính.

Chủ trì phối hợp với Công an tỉnh, Sở Kế hoạch đầu tư, các sở, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thành, thị đảm bảo kinh phí để triển khai thực hiện Luật Cư trú theo quy định và hướng dẫn về lệ phí đăng ký cư trú khi có Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

6. Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh

Trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn tổ chức tốt công tác tuyên truyền, phổ biến và triển khai thi hành Luật Cư trú. Tiến hành kiểm tra, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản khác trong lĩnh vực quản lý có liên quan đến quy định về hộ khẩu để đề nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi hoặc bãi bỏ những nội dung trái với Luật Cư trú và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

7. UBND các huyện, thành, thị

- Tổ chức triển khai việc quản lý Nhà nước về cư trú tại địa phương theo quy định của Luật Cư trú;

Chỉ đạo lực lượng Công an cơ sở, UBND cấp xã bố trí cán bộ có chức năng lực phẩm chất đạo đức tốt làm công tác đăng ký, quản lý cư trú ở cấp xã; bảo đảm trình tự, thủ tục đăng ký thường trú, lưu trú đơn giản, kịp thời, chính xác, công khai, minh bạch theo đúng quy định của Luật Cư trú và hướng dẫn của ngành Công an.

- Giải quyết kịp thời các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo hoặc vướng mắc của công dân liên quan đến thi hành Luật Cư trú. Kiên quyết xử lý những cán bộ, công chức, viên chức có thái độ, lời nói, cử chỉ thiếu nghiêm túc hoặc sách nhiễu, gây phiền hà cho cơ quan, tổ chức, công dân;

- Tổ chức, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản khác có liên quan đến quy định hộ khẩu để đề nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi hoặc bãi bỏ những nội dung trái với Luật cư trú và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật;

- Không tự ý ban hành thêm quy định trình tự, thủ tục, đặt ra việc thu phí, lệ phí trái với quy định của Luật Cư trú và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

Giám đốc Công an tỉnh có trách nhiệm giúp UBND tỉnh theo dõi, đơn đốc kiểm tra và báo cáo UBND tỉnh việc thực hiện Chỉ thị này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Đình Vượng (Đã ký)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 32/2007/NQ-HĐND

Doan Hùng, ngày 29 tháng 06 năm 2007

NGHỊ QUYẾT**Tổng quyết toán thu chi ngân sách địa phương năm 2006****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG
KHÓA XVIII – KỲ HỌP THỨ VIII**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ban hành ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật NSNN; quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương; căn cứ Nghị định số 73/2003/NĐ-CP ngày 23/6/2003 của Chính phủ ban hành Quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương;

Sau khi nghe Báo cáo số: 66/BC-UB ngày 31/5/2007 của UBND huyện Báo cáo tổng quyết toán thu chi ngân sách địa phương năm 2006. Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và các ý kiến thảo luận tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn tổng quyết toán thu, chi ngân sách huyện năm 2006 như sau:

I. Thu ngân sách:

- **Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn: 18.017.902.000 đồng**, so với dự toán của huyện đạt: 156,4% so với dự toán tỉnh giao đạt: 181,5%.

+ Ngân sách huyện hưởng: 10.543.834.000 đồng đạt 151,7% DT

+ Ngân sách xã, thị trấn hưởng: 4.151.400.000 đồng đạt 183,7% DT

II. Chi ngân sách huyện:

- **Tổng chi ngân sách huyện: 90.988.965.504 đồng. Trong đó:**

+ Chi thường xuyên: 54.823.965.000 đồng đạt 102,4% DT

+ Chi đầu tư phát triển: 10.597.897.560 đồng đạt 91,0% DT

Trong đó:

Chi cho XD CB và kiến thiết thị chính: 2.934.342.400 đồng

Chi các CTMT cho đầu tư phát triển: 7.663.555.160 đồng

+ Chi các chương trình mục tiêu khác: 10.465.837.750 đồng

+ Chi chuyển nguồn NS sang năm sau: 15.100.995.194 đồng

III. Cân đối ngân sách huyện năm 2006:

A. Tổng thu ngân sách huyện: 91.212.695.504 đồng, đạt 158% DT.**Trong đó:**

1. Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp:	14.695.203.934 đồng
2. Thu bổ sung cân đối từ NS tỉnh:	73.143.469.000 đồng
- Thu bổ xung cân đối từ NS tỉnh:	46.800.000.000 đồng
- Thu BX chương trình có mục tiêu:	26.343.469.000 đồng
3. Thu chuyển từ nguồn NS năm trước:	3.332.996.570 đồng
4. Thu kết dư năm 2005 chuyển sang:	41.026.000 đồng

B. Tổng chi ngân sách huyện:**90.988.695.504 đồng,****Trong đó:**

1. Chi thường xuyên:	54.823.965.000 đồng
2. Chi đầu tư phát triển:	10.597.897.560 đồng
3. Chi các chương trình mục tiêu khác:	10.465.837.750 đồng
4. Chi chuyển nguồn NS sang năm sau:	15.100.995.194 đồng

C. Kết dư ngân sách chuyển sang năm:**224.000.000 đồng****Điều 2. HĐND huyện giao:**

- UBND huyện tổ chức triển khai và chỉ đạo thực hiện Nghị quyết.
- Thường trực HĐND, các Ban và đại biểu HĐND huyện kiểm tra giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND huyện khóa XVIII – kỳ họp thứ VIII thông qua ngày 29/6/2007.

CHỦ TỊCH**(Đã ký)****Nguyễn Văn Bưởi**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 33/2007/NQ-HĐND

Đoan Hùng, ngày 29 tháng 06 năm 2007

NGHỊ QUYẾT

**Về Dự án phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao
huyện Đoan Hùng giai đoạn 2007 – 2010**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG KHÓA VIII – KỲ HỌP THỨ TÁM

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số: 1976/QĐ-UBND ngày 13/7/2006 của UBND tỉnh Phú Thọ V/v phê duyệt đề án: Phát triển chăn nuôi bò thịt, bò lai chất lượng cao tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2006 – 2010;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX về phát triển chăn nuôi bò thịt, bò lai chất lượng cao giai đoạn 2006 – 2010;

Sau khi xem xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện tại Tờ trình số: 335/TT-UB ngày 08/6/2007 về Dự án phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao huyện Đoan Hùng giai đoạn 2007 – 2010; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội thảo luận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành thông qua Dự án phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao huyện Đoan Hùng giai đoạn 2007 – 2010 với các nội dung chủ yếu sau:

I. Đánh giá tình hình phát triển đàn bò giai đoạn 2002 – 2006:

Trong những năm qua được sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành chức năng. Nhiều chương trình phát triển kinh tế nông nghiệp đã được triển khai thực hiện có hiệu quả trên địa bàn huyện như: Chương trình phát triển cây lương thực, cây ăn quả, cây chè ... Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX đã thông qua Nghị quyết phát triển chăn nuôi bò thịt, bò lai chất lượng cao giai đoạn 2006 – 2010 đây là 1 trong 5 chương trình phát triển kinh tế nông nghiệp trọng điểm cần tập trung chỉ đạo thực hiện của huyện giai đoạn 2006 – 2010.

Kết quả phát triển chăn nuôi bò giai đoạn năm 2002 – 2006:

Từ năm 2002 – 2006 đàn bò của huyện có tốc độ tăng trưởng khá, tăng nhanh về số lượng, cải thiện một phần về chất lượng, từ 4.763 con năm 2002 lên 8.725 con năm 2006 (bình quân tăng 20,75% năm).

+ Về cơ cấu đàn: Đàn cái sinh sản: Tính đến năm 2006 là: 5.709 con chiếm 65,4% so với tổng đàn, trong đó bò cái lai Sind là 170 con chiếm 3% tổng đàn cái sinh sản, đàn bò đực 3/4 máu ZuBu: Có 16/70 con chiếm 23% đàn bò đực giống, trong đó có 8 con đã hết thời gian khai thác và khai thác kém hiệu quả, đàn bê con

sinh ra hiện nay mang từ 1/3 – 1/2 máu ZeBu chiếm 25 – 30% tổng đàn bê sinh ra, số đàn con xuất chuồng hàng năm chiếm 12 – 15% so với tổng đàn trong năm.

+ Về năng suất: Do chăn nuôi theo quy mô nhỏ hộ gia đình là chính với phương thức chăn thả đông hoặc bán chăn thả, nhiều nơi cho phối giống tự do, cận huyết, không được tổ chức phối giống đúng yêu cầu kỹ thuật dẫn đến thoái hóa đàn bò, năng suất nuôi đạt thấp, trọng lượng bình quân lúc xuất chuồng chỉ đạt 120 – 130 kg/con. Tuy nhiên một số hộ được tiếp cận và hưởng lợi từ chương trình sinh hóa đàn bò đã đạt năng suất nuôi bình quân: 180kg/con khi xuất chuồng.

Chăn nuôi bò là nghề truyền thống lâu đời của nhân dân các dân tộc trong huyện, song với quy mô còn nhỏ lẻ, phân tán, sản phẩm chưa nhiều, chưa tạo ra sản phẩm hàng hóa với khối lượng lớn, tỷ trọng ngành chăn nuôi bò chiếm rất thấp trong toàn nền kinh tế. Do chăn nuôi còn nhỏ lẻ, thiếu vốn đầu tư, thiếu kiến thức, bãi chăn thả thu hẹp, mặt khác chính sách phát triển chưa đồng bộ còn hạn chế chưa tương xứng với tiềm năng của ngành chăn nuôi đàn đại gia súc nói chung, chăn nuôi bò nói riêng.

II. Nội dung Dự án phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao huyện Đoan Hùng giai đoạn 2007 – 2010:

A. Mục tiêu:

Phát triển chăn nuôi bò thịt, bò lai hàng hóa trên cơ sở áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao tầm vóc và thể trạng đàn bò, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm bò thịt xuất bán, tăng giá trị chăn nuôi bò trong cơ cấu kinh tế nông nghiệp, thúc đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp nông thôn.

Từng bước nâng cao trình độ, tay nghề cho đội ngũ cán bộ chăn nuôi cấp huyện và cơ sở, ứng dụng TBKT vào sản xuất cho nông dân từng bước làm thay đổi tập quán chăn nuôi từ thụ động sang chủ động, từ nuôi tự do, tự phát triển sang nuôi tập trung bán thâm canh, thâm canh, từ quy mô nhỏ lẻ sang quy mô, mô hình trang trại.

Giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho lao động trong nông thôn góp phần thực hiện chủ trương xóa đói giảm nghèo của địa phương.

Cụ thể chọn 11 xã để xây dựng vùng dự án tập trung. Năm 2007, chọn 4 xã làm mô hình điểm để tổng kết, nhân rộng cho các xã còn lại vào năm 2008 – 2010, phấn đấu đến năm 2010: Tổng đàn bò trong 11 xã dự án đạt: 5.500 con, tỷ lệ bò lai 60 – 70%, sản lượng thịt xuất chuồng từ 180 – 200 tấn.

Trong đó: Bò đực giống ZeBu: 90%, Bò cái sinh sản từ 1/2 – 2/3 máu ZeBu 60% đàn bê lai sinh ra đảm bảo từ 1/3 – 2/3 máu ZeBu: 90%.

B. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu:

1. Năm 2007:

Tuyên truyền chủ trương, chính sách đến các hộ nông dân, điều tra đàn bò trong vùng dự án, đào tạo đội ngũ dẫn tinh viên, chọn hộ khuyến khích các hộ trồng cỏ chăn nuôi (theo hình thức thâm canh), mua bò đực giống 3/4 máu ZeBu, phát triển

chăn nuôi theo hướng gia trại quy mô 5 con/hộ, hướng dẫn xây dựng chuồng trại, hầm Biogas, đẩy mạnh phối giống trực tiếp: Bò lai 3/4 máu ZeBu với bò cái vàng địa phương tạo đàn nái nền.

2. Năm 2008 – 2010:

Triển khai công tác thụ tinh nhân tạo, ổn định và phát triển chăn nuôi bò thịt, bò lai ở tất cả các xã tham gia dự án, hình thành trang trại chăn nuôi quy mô 30 con trở lên/hộ (ít nhất mỗi xã tham gia dự án có 1 trang trại trở lên), xây dựng mục tiêu tăng trưởng tổng đàn bò lai chất lượng cao.

3. Quy hoạch, lựa chọn các xã tham gia dự án:

Chọn 11 xã (Minh Lương, Quế Lâm, Ngọc Quan, Hùng Long, Bằng Luân, Vân Đồn, Nghiêm Xuyên, Hùng Quan, Bằng Doãn, Phúc Lai, Minh Phú) có điều kiện phát triển chăn nuôi bò thịt, bò lai chất lượng cao, có khả năng phát triển chăn nuôi bò đã được khảo sát, bình chọn, người dân có nguồn lực về tài chính, kinh nghiệm, đất đai có khả năng quy hoạch trồng cỏ chăn nuôi. Năm 2007, chọn 4 xã: Ngọc Quan, Bằng Luân, Vân Đồn, Minh Lương để xây dựng mô hình điểm mỗi xã chọn 10 hộ, mỗi hộ nuôi từ 5 con trở lên. Từ năm 2008 – 2010 nhân rộng ra 11 xã đã được quy hoạch và bình chọn tham gia dự án.

4. Số lượng và thành phần đàn chu chuyển và hỗ trợ trong dự án:

Năm 2007: Hỗ trợ 200 con bò cái sinh sản, 5 con bò đực ZeBu. Năm 2008: Hỗ trợ 1.000 con bò cái sinh sản, 10 con bò đực ZeBu. Năm 2009: Hỗ trợ 1.550 con bò cái sinh sản, 10 con bò đực ZeBu. Năm 2010: Hỗ trợ 2.100 con bò cái sinh sản.

Đến năm 2010 tổng số bò cái sinh sản tham gia dự án 2.200 con, 25 con bò giống ZeBu, đàn bê sinh ra: 4.850 con, số lượt bò cái được hỗ trợ từ dự án 4.850 lượt. Trong đó ước khoảng 2.200 con bê cái sinh ra được giữ làm bò cái sinh sản phục vụ thay thế đàn bò cái trong nội bộ các xã tham gia dự án và các xã lân cận.

5. Quy hoạch đất sang trồng cỏ chăn nuôi:

Chuyển đổi những diện tích đất nông lâm kém hiệu quả sang trồng cỏ chăn nuôi nhằm phát huy tối đa thế mạnh của địa phương. Tổng diện tích trồng cỏ chăn nuôi đến năm 2010 là: 90ha. Trong đó: Năm 2007 trồng: 8ha, năm 2008 trồng: 25ha, năm 2009 trồng: 28ha, năm 2010 trồng: 29ha. Lựa chọn giống cỏ tốt để trồng như: Cỏ Voi, Cỏ Nhật, Cỏ Sweet Jumbo và Superdan đây là những giống cỏ dễ trồng, dễ thâm canh lại cho năng suất cao.

6. Xây dựng mới chuồng trại cho đàn bò trong dự án:

Chuồng trại xây mới và cải tạo cho đàn bò trong dự án: 10.750m². Cụ thể: Năm 2007: 1.050m², năm 2008: 3.840m², năm 2009: 3.100m², năm 2010: 2.760m². Đảm bảo từ 4 – 5m²/1 bò cái sinh sản, 9 – 10m²/1 bò đực giống.

Khuyến khích các hộ, nhóm hộ, cơ sở chăn nuôi xử lý chất thải bằng hầm xây hầm Biogas để vừa tận dụng có nguồn chất đốt vừa đảm bảo vệ sinh môi trường.

7. Công tác Thú y – Phòng trừ dịch bệnh:

Tổ chức tiêm phòng miễn phí đối với các bệnh: LMLM, tụ huyết trùng, dịch tả, bệnh ký sinh trùng hàng vụ, hàng năm cho đàn gia súc. Tập huấn thường xuyên cho các hộ tham gia dự án về công tác Thú y và vệ sinh phòng dịch, vệ sinh chuồng trại, xác định biện pháp phòng bệnh là chính, khoanh vùng ổ dịch, khử trùng tiêu độc và tiêu hủy khi xuất hiện các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm như: LMLM, nhiệt thán . . .

8. Chính sách để khuyến khích các hộ chăn nuôi bò:

a) Đối tượng được hưởng chính sách: Bao gồm các hộ gia đình, chủ trang trại, các hợp tác xã, các doanh nghiệp trực tiếp chăn nuôi bò thịt chất lượng cao trong vùng quy hoạch trọng điểm đạt quy mô nuôi thường xuyên, nuôi bò cái địa phương đủ tiêu chuẩn, bò cái nền lai Sind (F1) đủ tiêu chuẩn để phối giống bằng thụ tinh nhân tạo hoặc được phối giống trực tiếp từ bò đực giống ngoại, bò đực giống nhóm máu ZeBu với quy mô 05 con trở lên/hộ và 30 con trở lên/ tổ chức.

b) Chính sách hỗ trợ:

** Chính sách của Tỉnh:*

- Hỗ trợ một lần 100.000 đồng, 01 bò cái nền lai sind đủ tiêu chuẩn (bò có trọng lượng 220kg trở lên) đã có chửa sau khi được phối giống tinh bò đực ZeBu.
- Đối với các hộ nuôi bò đực giống lai 3/4 máu ZeBu được hỗ trợ 1 lần: 04 triệu đồng/con (tính từ thời điểm được nghiệm thu đủ tiêu chuẩn làm đực giống).
- Được cấp miễn phí Vắcxin tiêm phòng các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm như: LMLM, nhiệt thán, tụ huyết trùng, dịch tả . . .
- Được cấp miễn phí Tinh bò thịt, Nitơ lỏng, và chi phí vận chuyển tinh, nitơ để phục vụ phối giống cho bò cái nền lai sind tạo bò lai hướng thịt chất lượng cao.
- Hỗ trợ xây dựng chuồng trại: 3.000.000 đ (Ba triệu đồng)/hộ có quy mô nuôi từ 30 con trở lên.
- Đối với những xã có từ 30 hộ chăn nuôi 5 con bò trở lên được hỗ trợ tiền thù lao: 250.000đ/ tháng (Hai trăm năm mươi ngàn đồng).

** Chính sách của huyện:*

- Cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông lâm nghiệp để xây dựng khu chăn nuôi, trồng cỏ tập trung.
- Đối với cá hộ nuôi bò đực giống lai $\frac{3}{4}$ máu ZeBu được hỗ trợ 01 lần: 03 triệu đồng/con (tính từ thời điểm được nghiệm thu đủ tiêu chuẩn làm đực giống).
- Hỗ trợ xây dựng chuồng trại: 01 triệu đồng đối với hộ có quy mô nuôi 10 con trở lên, 02 triệu đồng đối với hộ nuôi quy mô 20 con trở lên.

Nguồn vốn thực hiện dự án giai đoạn 2007 – 2010 là: 13.226,8 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Tỉnh hỗ trợ: 1.561,8 triệu đồng, chiếm 11,8%. Ngân sách huyện hỗ trợ: 135 triệu đồng, chiếm 1%, vốn đối ứng của nhân dân: 11.530,0 triệu đồng, chiếm 87,2%.

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao:

1. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai và chỉ đạo thực hiện Nghị quyết; hàng năm báo cáo tiến độ thực hiện Dự án.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của HĐND và Đại biểu HĐND huyện kiểm tra, giám sát thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể nhân dân tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện khóa XVIII, kỳ họp thứ tám thông qua ngày 29/6/2007.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Văn Bưởi

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 34/2007/NQ-HĐND

Đoan Hùng, ngày 29 tháng 06 năm 2007

NGHỊ QUYẾT**Về Đề án thực hiện chiến lược dân số đến năm 2010****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG
KHÓA XVIII – KỲ HỌP THỨ TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Sau khi xem xét Tờ trình số 342/TT-UB ngày 11 tháng 6 năm 2007 của UBND huyện Đoan Hùng đề nghị phê duyệt Đề án thực hiện Chiến lược dân số đến năm 2010; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và thảo luận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành thông qua Đề án Chiến lược dân số đến năm 2010 của huyện Đoan Hùng với các nội dung chủ yếu như sau:

I. Mục tiêu:**1. Mục tiêu:***1.1 Mục tiêu chung:*

Thực hiện gia đình ít con, mỗi cặp vợ chồng chỉ có một hoặc hai con nhằm duy trì mức sinh thay thế tiến tới ổn định quy mô dân số ở mức hợp lý để có cuộc sống ấm no hạnh phúc về thể chất, tinh thần và trí tuệ đáp ứng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

1.2 Mục tiêu cụ thể:

- Thực hiện mỗi gia đình chỉ có 1 hoặc 2 con. Duy trì ổn định tỷ lệ tăng tự nhiên dân số ở mức dưới 1%.
- Giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên từ 0,2 – 0,3%/năm. Hàng năm có từ 20% - 25% số đơn vị xã, thị trấn không có người sinh con thứ 3 trở lên; khu dân cư không có người sinh con thứ 3 đạt từ 80% trở lên.
- Tăng thêm 0,3%/năm tỷ lệ cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ thực hiện các biện pháp tránh thai hiện đại hàng năm.
- Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi ở mức dưới 18%.
- Tỷ lệ phụ nữ có thai được khám thai ít nhất 3 lần đạt 96% trở lên.

2. Nhiệm vụ và giải pháp:*2.1 Tập trung thực hiện các mục tiêu Chiến lược dân số:*

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền để không ngừng nâng cao vai trò của tổ chức Đảng, hiệu lực quản lý Nhà nước về công

tác DSGĐ&TE. Phần đầu nhằm duy trì tỷ lệ tăng dân số tự nhiên ở mức dưới 1%, thực hiện mỗi gia đình chỉ có một hoặc hai con, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 ở mức thấp nhất; có biện pháp xử lý nghiêm những đơn vị, cá nhân vi phạm chính sách DS/KHHGD, nhất là cán bộ, đảng viên. Gắn chỉ tiêu giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên vào việc bình xét thi đua của các cơ quan, đơn vị hàng năm.

2.2 Tăng cường công tác truyền thông giáo dục thay đổi hành vi, huy động toàn xã hội tích cực tham gia công tác DSKHHGD, nâng cao trách nhiệm, tăng cường sự phối hợp của các cấp, các ngành, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội, các thành phần kinh tế tham gia thực hiện, tạo điều kiện và môi trường thuận lợi để mỗi gia đình, mỗi người dân tự nguyện thực hiện chính sách DS/KHHGD. Tiếp tục tuyên truyền Luật Bình đẳng giới, Pháp lệnh Dân số, Nghị định 104/2003/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị quyết số 47-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Đẩy mạnh và đa dạng hóa các hình thức thông tin, giáo dục, tuyên truyền, trong đó truyền thông đại chúng giữ vai trò định hướng, chú trọng các loại hình tuyên truyền tư vấn, đối thoại, vận động trực tiếp các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của các chức sắc trong đồng bào dân tộc, đồng bào có đạo thiên chúa giáo. Tổ chức các hoạt động chiến dịch tăng cường tuyên truyền chỉ tiêu cho các vùng khó khăn, vùng nghèo, vùng sâu, vùng xa, nơi có mức sinh và tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên còn cao để giải quyết các vấn đề dân số và nâng cao mức sống người dân.

Nêu cao vai trò, trách nhiệm của gia đình, thực hiện bình đẳng giới, vận động nam giới tham gia, chia sẻ trách nhiệm trong việc thực hiện KHHGD và nuôi dạy con cái. Duy trì và nhân rộng các mô hình dân số với phát triển, đẩy mạnh công cuộc vận động xây dựng gia đình nôm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và phát triển bền vững, tạo thành phòng trào rộng rãi để thực hiện các mục tiêu dân số năm 2010.

2.3 Tiếp tục kiện toàn và nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý của bộ máy làm công tác dân số, gia đình và trẻ em từ huyện đến cơ sở. Củng cố kiện toàn bộ máy làm công tác DSGĐ&TE từ huyện đến cơ sở có đủ khả năng tham mưu cho cấp ủy, chính quyền tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp về công tác DSGĐ&TE. Thường xuyên bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ nâng cao năng lực, tinh thần trách nhiệm cho đội ngũ cán bộ và công tác viên DSGĐ&TE. Có chính sách để ổn định đội ngũ cán bộ và công tác viên ở cơ sở theo hướng lồng ghép nhiệm vụ công tác DSGĐ&TE với hoạt động của các ngành, các tổ chức xã hội.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu của chương trình kế hoạch hàng năm và mục tiêu đề ra.

2.4 Đáp ứng tốt nhu cầu CSSKSS/KHHGD và nâng cao chất lượng dịch vụ:

Nâng cao chất lượng hệ thống cung cấp dịch vụ KHHGD ngay ở cơ sở, đa dạng hóa các loại hình cung cấp dịch vụ CSSKSS/KHHGD. Đẩy mạnh công tác xây dựng Chuẩn Quốc gia về Y tế để phục vụ nhu cầu khám, chữa bệnh cho nhân dân.

Tiếp tục thực hiện tốt cung cấp dịch vụ KHHGD/CSSKSS tới các xã, thị trấn, mở rộng và tăng cường cung ứng tiếp thị phương tiện tránh thai đến tất cả đối tượng có nhu cầu, đảm bảo 100% số xã, thị trấn có cán bộ kỹ thuật thực hiện khám, chuẩn đoán điều trị viêm nhiễm đường sinh sản và các bệnh lây truyền qua đường tình dục cho đối tượng thực hiện KHHGD.

2.5 Thực hiện lồng ghép có hiệu quả chương trình dân số với các chương trình kinh tế - xã hội của từng ngành và ở địa phương. Quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí của chương trình mục tiêu của Nhà nước và huy động sự đóng góp của toàn xã hội.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân huyện giao:

- Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai và chỉ đạo thực hiện Nghị quyết này

- Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của HĐND và Đại biểu HĐND huyện kiểm tra, giám sát thực hiện Nghị quyết.

- Đề nghị Ủy ban mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể nhân dân tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện khóa XVIII, kỳ họp thứ tám thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2007.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Văn Bưởi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẬP****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 11/2007/CT-UBND

Yên Lập, ngày 13 tháng 7 năm 2007

CHỈ THỊ**Về việc tổ chức triển khai thi hành Luật Cư trú**

Ngày 29/11/2006, tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XI Luật cư trú đã được thông qua và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007. Luật Cư trú cụ thể hóa quyền tự do cư trú của công dân theo quy định của Hiến pháp năm 1992; quy định nguyên tắc cư trú, quản lý cư trú; trình tự, thủ tục đăng ký, quản lý cư trú; quyền, trách nhiệm của công dân, hộ gia đình, cơ quan, tổ chức về đăng ký, quản lý cư trú.

Ngày 05/7/2007, Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ đã ban hành Chỉ thị số 08/2007/CT-UBND về việc tổ chức triển khai thi hành Luật Cư trú. Để thực hiện nghiêm túc Luật Cư trú và Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh, UBND huyện yêu cầu: Yêu cầu các cơ quan, ban ngành, các tổ chức chính trị xã hội, UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện tốt các nội dung sau:

1- Công an huyện:

Tổ chức tập huấn chuyên sâu Luật Cư trú, Nghị định của Chính phủ, Thông tư hướng dẫn của Bộ Công an về hướng dẫn thi hành Luật Cư trú. Bồi dưỡng nâng cao nhận thức pháp luật, ý thức phục vụ nhân dân, yêu cầu cải cách thủ tục hành chính, chống các biểu hiện quan liêu, gây phiền hà về đăng ký, quản lý cư trú... cho cán bộ chiến sĩ làm công tác đăng ký quản lý cư trú. Trong đó tập trung vào đội ngũ cán bộ lãnh đạo cơ quan các cấp, CBCS trực tiếp làm công tác đăng ký quản lý cư trú thuộc công an huyện, công an xã, thị trấn và những người tham gia công tác đăng ký quản lý thường trú, lưu trú, tạm vắng tại các khu dân cư.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện Luật Cư trú trên địa bàn, tổ chức in cấp phát các loại sổ sách, biểu mẫu theo quy định của Luật Cư trú. Tham mưu ban hành kế hoạch và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Cư trú theo thẩm quyền. Thông báo rộng rãi và niêm yết công khai về trình tự, thủ tục đăng ký thường trú, tạm trú, cấp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú ... để nhân biết và thực hiện.

- Rà soát kiện toàn bộ trí đủ cán bộ có năng lực phẩm chất đạo đức để thực hiện công tác đăng ký quản lý cư trú. Chấn chỉnh tư thế tác phong, lề lối làm việc. Kiên quyết đề nghị xử lý những cán bộ làm công tác đăng ký quản lý cư trú vi phạm quy trình, quy chế công tác, có thái độ thiếu nghiêm túc hoặc gây phiền hà cho nhân dân.

- Chỉ đạo, hướng dẫn lực lượng Công an các xã, thị trấn triển khai thực hiện nghiêm túc Luật Cư trú, chú ý công tác đăng ký quản lý thường trú, tạm trú, tiếp nhận thông báo lưu trú, khai báo tạm vắng... Đảm bảo cho công tác đăng ký quản lý cư trú

với trình tự thủ tục đơn giản, kịp thời chính xác công khai minh bạch theo quy định của Luật Cư trú.

2 – Phòng Tư pháp:

Chủ trì phối hợp với Công an huyện kiểm tra hướng dẫn các cơ quan, ban ngành, UBND các xã, thị trấn rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quy định về hộ khẩu hoặc các quy định khác trái với Luật Cư trú để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi hoặc bãi bỏ.

3- Đài TT-TH; Phòng VH TT-TT huyện:

Phối hợp với công an huyện, Phòng Tư pháp chỉ đạo, hướng dẫn, biên soạn những tài liệu tuyên truyền, phổ biến hướng dẫn thi hành Luật Cư trú cho cán bộ, công chức và nhân dân một cách rộng rãi, nội dung rõ ràng đảm bảo việc thực hiện được thống nhất.

4- Phòng Tài chính – Kế hoạch:

Chủ trì phối hợp với Công an huyện, các cơ quan, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn đảm bảo kinh phí để triển khai thi hành Luật Cư trú trên địa bàn huyện và thường xuyên kiểm tra hướng dẫn việc thu lệ phí đăng ký quản lý cư trú khi có thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

5 – Ban chỉ huy quân sự huyện:

Phối hợp với công an huyện hướng dẫn việc đăng ký quản lý cư trú đối với người đang làm nghĩa vụ quân sự, sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên quốc phòng cư trú tại nơi đóng quân và nơi cư trú theo quy định của Luật Cư trú,

6- Các cơ quan, ban, ngành, các đơn vị trực thuộc huyện:

Trong phạm vi trách nhiệm quyền hạn tổ chức tốt công tác tuyên truyền, triển khai thi hành Luật Cư trú, tiến hành kiểm tra rà soát các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản khác trong lĩnh vực quản lý có liên quan đến quy định về hộ khẩu để đề nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi hoặc bãi bỏ những nội dung trái với Luật Cư trú và các văn bản hướng dẫn thi hành luật.

7- UBND các xã, thị trấn:

- Tổ chức triển khai công tác quản lý Nhà nước về cư trú tại địa phương theo đúng quy định của Luật Cư trú.

- Chỉ đạo lực lượng công an cơ sở bố trí cán bộ có năng lực, phẩm chất đạo đức tốt làm công tác đăng ký quản lý cư trú tại địa phương, tạm trú, lưu trú, khai báo tạm vắng đảm bảo đơn giản, chính xác, kịp thời, công khai minh bạch theo đúng quy định của Luật Cư trú và hướng dẫn của ngành Công an.